

PHƯƠNG NGỮ MIỀN TRUNG TRONG THƠ HÀN MẠC TỬ

Phanxipăng*

Những sai lầm cần chỉnh sửa

Năm 1987, tại Hà Nội, Nxb Văn học ấn hành *Tuyển tập Hàn Mạc Tử*⁽¹⁾ do Chế Lan Viên (1920-1989) tuyển chọn và giới thiệu. Chế sánh Hàn với sao chổi: “Trước không có ai, sau không có ai, Hàn Mạc Tử xoẹt qua bầu trời Việt Nam với cái đuôi lửa chói rực rỡ của mình”. Cùng năm ấy, Sở Văn hóa-Thông tin tỉnh Nghĩa Bình in cuốn *Thơ Hàn Mạc Tử* và Chế Lan Viên tiếp tục đề tựa: “Tử là một đỉnh cao lửa chói trong văn học thế kỷ, thậm chí qua các thế kỷ. Cho nên cũng không mất công đâu, khi vì Anh mà tìm hiểu thân thế, đời Anh”.

Thực tế, càng ngày, thiên hạ càng tỏ ra hâm mộ Hàn Mạc Tử. Trong lẫn ngoài nước, nhiều người thích thú tìm hiểu cuộc đời Hàn tuy ngắn ngủi song chứa lắm bí ẩn, nhiều người say mê ngâm đọc thơ Hàn, nhiều người trỗi giọng hát bao ca khúc do các nhạc sĩ phổ thơ Hàn. Hát, hò, ngâm, đọc, nhưng nào phải ai ai cũng hiểu đúng ý nghĩa! Một lý do chủ chốt gây nên sự trở ngại này: thơ Hàn sử dụng từ ngữ địa phương với khối lượng khá lớn, đặc biệt là phương ngữ miền Trung. Khổ thay, trong các tuyển thơ Hàn được xuất bản bấy lâu nay, những từ ngữ đó hoặc bị in sai, hoặc bị giải thích thiếu thỏa đáng, thậm chí có cuốn phớt lờ phần cước chú!

Ngay đôi tuyển thơ Hàn vừa dẫn, hầu hết phương ngữ⁽²⁾ đều không được chú giải. Ở cả hai tập sách, *Buồn thu* là một trong những bài xuất hiện đầu tiên với những dòng:

*Áp ứng không ra được nửa lời
Tình thu bi thiết lắm thu ơi
Vội vàng cánh nhận bay đi **trót**
Hiu hắt hơi may thoảng lại rồi*

Bay đi *trót* là gì? Bay đi đâu? Bay ra sao? Bay thế nào? Chẳng phải bạn đọc nào cũng biết rằng dân chúng ở một số tỉnh thành miền Trung dùng chữ *trót* tương tự *quách* / *sạch* / *trụi* / *hết*. Dòng thơ *Vội vàng cánh nhận bay đi trót* nghĩa là chim nhận⁽³⁾ vụt bay ráo trọi, chẳng còn một mống. Thổ ngữ vài nơi, chẳng hạn như làng Nguyệt Biều, nay thuộc phường Thủy Biều, thành phố Huế, phát âm *trót* thành *trọt*. Ví dụ: lúm trọt / đản trọt = ăn sạch; bứt trọt / lật trọt = vặt trụi.

* Nhà báo, Tuần san *Thế giới mới*.

Cũng trong đôi tuyển vừa dẫn, bài *Đàn nguyệt* có cặp câu đề:

*Hỏi **chơ** mấy tuổi? Đáp mười lăm*

Non nước từng phen nổi tiếng tằm

Hỏi *chơ* là hỏi ai? Hỏi cái gì? Thật ra, trong câu hỏi trống mang tính khẩu ngữ miền Trung kia, *chơ* chỉ là một ngữ khí từ nghi vấn, tương tự *chứ* (miền Bắc) và *chớ* (miền Nam). Đáng tiếc rằng trong *Tuyển thơ Hàn Mạc Tử* do Nxb Văn học tái bản tại Hà Nội năm 2001, trang 58, *chơ* bị in thành *chợ*, khiến bạn đọc thấp thỏm phỏng đoán địa điểm: Đồng Xuân? Nhật Lệ? Đồng Ba? Gò Găng? Phú Trinh? Bến Thành?

Loạt tuyển thơ Hàn do Nxb Đồng Nai ấn hành khổ vừa lẫn khổ nhỏ xiu suốt nhiều năm qua còn sai lầm trọng hơn. Chẳng hạn trong tập *Thơ Hàn Mạc Tử* kích cỡ 6x9cm in năm 1998 và kích cỡ 10x18cm in năm 2000, câu thơ của Hàn bị “xử lý” như vậy:

*Hỏi **chơ** mấy tuổi? Đáp: Mười lăm*

Cũng trong hai tập thơ nọ do Nxb Đồng Nai biên tập, bài *Em đau* của Hàn có câu:

*Một **trộ** mưa hoa trút cánh **lờ***

“Người biên soạn” Kiều Văn cước chú: “Câu này chưa tìm rõ nghĩa, xin tạm hiểu là: một trận mưa hoa trút những cánh hoa”. Nếu am tường phương ngữ miền Trung, biết **trộ** là cơn, là đợt (ví dụ: trộ mưa / mưa trộ) và **lờ** là mờ, là nhạt (ví dụ: mắt lờ / màu lờ), ắt lời giải thích của Kiều Văn hết bị... lờ!

Bài *Trường tương tư* nổi tiếng của Hàn mở đầu thế này:

Hiểu gì không, ý nghĩa của trời thơ?

*Của hương hoa trong trắng **lờn lợt bầy***

Của lời tâm, muôn vì sao áy náy

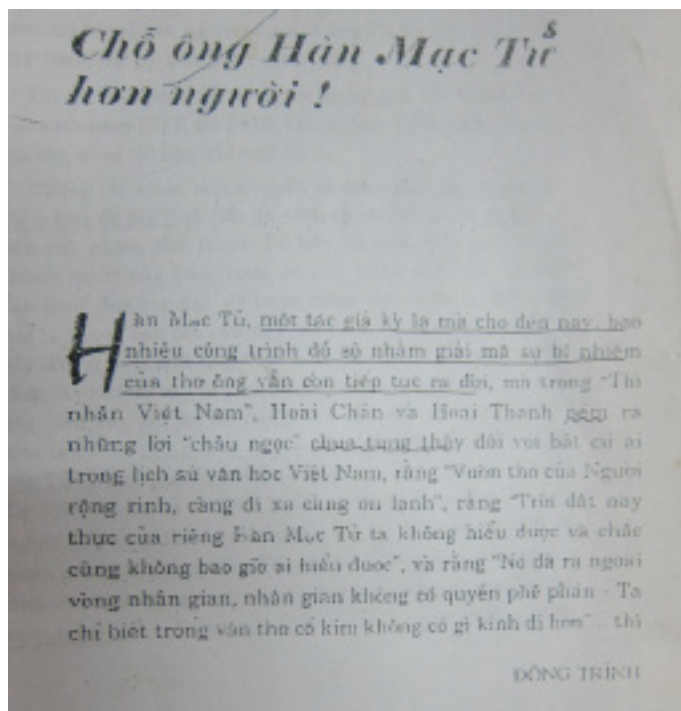
Hiểu gì không, em hỡi! Hiểu gì không?

Hai tập thơ mang “mác” Nxb Đồng Nai in cước chú: “Bầy (tiếng Huế): bay đi nhẹ nhàng”. Thế nhưng, vẫn bài thơ *Trường tương tư*, trong một cuốn sách khác là tập *Đôi hồn* cũng do Kiều Văn “biên soạn” và cũng Nxb Đồng Nai cấp giấy phép ấn hành năm 1995, dòng thơ thứ nhì bị đổi thay:

*Của hương hoa trong trắng **nhờn nhợt bầy***

Từ *nhàn nhạt* / *nhờn nhợt* có biến thể ngữ âm là *lờn lợt*. Đây chính là từ ngữ do Hàn dùng, bất tất phải thay đổi. Còn *bầy* mà hóa ra *bầy* nhầy nhầy thì... sợ quá! Lưu ý rằng *bầy* chính là biến thể ngữ âm của từ phổ thông *bay*, nên đi kèm với *lờn lợt* mới phù hợp. Hãy nghe người dân quê ở Bình Trị Thiên nói: “Gió bầy cây lịp cời choa văng dưới rọng ló”, nghĩa là “Cái nón rách của tôi bị gió thổi tung xuống dưới ruộng lúa”.

Theo thời gian, do ảnh hưởng của xu thế chuẩn hóa tiếng Việt, cộng với mối giao lưu mạnh mẽ giữa các vùng miền, nhiều ngôn từ dần chuyển biến, nhất là đối với khu vực đô thị, song động từ *bầy* hiện vẫn được sử



Trang đầu bài viết của tác giả Đông Trinh (Tài liệu riêng của Phanxipăng, chưa rõ nguồn gốc xuất bản).

dụng rộng rãi chẳng những tại Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Quảng Bình, mà cả Hà Tĩnh, Nghệ An, lần Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định.

Vậy nhưng, trong bài viết năm 1995 mang tiêu đề *Chỗ ông Hàn Mạc Tử hơn người*, Đông Trinh đưa ra nhân vật “cụ Tú Lệ Mỹ” bạo mồm phán những câu xanh rờn như:

- Tôi tin, chưa ai nói ra điều này: không nghiên cứu lời ăn tiếng nói Quảng Bình (từ cái làng Lệ Mỹ), thì không thể hiểu thơ Hàn Mạc Tử một cách thấu đáo!

Hoặc:

- Trong thơ Hàn Mạc Tử, tôi cho là “lời ăn tiếng nói” của quê hương ông (Lệ Mỹ, Đồng Hới, Quảng Bình) chiếm không dưới 50%.

Nhân vật “cụ Tú Lệ Mỹ” của Đông Trinh trưng những từ hiện hữu trong thơ Hàn, bao gồm *nằm găng, ngâm tràn, lốm đốm, thây, não cân, mê man, chết điếng, máu vọt, ngất ngư, nắm, siết, sượng, mớ, trứng giỡn, lờn lợt bầy, lừng rồi tấm tắc khen*:

- Quảng Bình không chê vào đâu được!

Cuối cùng, “cụ Tú Lệ Mỹ” kết luận:

- Chỗ ông Hàn Mạc Tử hơn người là cái chỗ này: ông ta múc ngôn ngữ thơ mình từ... cái Bàu Tró bé tí tẹo mà rưới lên cả và thiên hạ, làm cho cả và thiên hạ ngất ngây, ai cũng tưởng mưa ong xuống từ bầu trời bao la vô tận!

Kết luận thế e quá vội vàng và thiếu sức thuyết phục. Cụm từ *lờn lợt bầy*, như tôi đã trình bày, và từ *lừng* (biến âm của chùng) không chỉ của riêng Quảng Bình, mà phạm vi sử dụng trải dài từ Nghệ An đến Thừa Thiên Huế. Các từ *trứng / trứng giỡn* và *mớ* (nói mê lúc ngủ mơ) cũng vậy. Loạt từ còn lại, chắc mọi người đều quen thuộc vì quá phổ biến trong ngôn ngữ toàn dân. Các từ điển tiếng Việt phổ thông đều ghi nhận những từ *lốm đốm, não cân / cân não, ngất ngư, thây* (thi thể / xác người) mà chẳng hề ghi chú là phương ngữ, vậy lẽ gì “cụ Tú Lệ Mỹ” vơ quàng là của riêng Quảng Bình nhỉ?

“Cụ Tú Lệ Mỹ” thực sự ngộ nhận khi phát biểu:

- Tôi và Hàn Mạc Tử là người cùng quê. (...) Cũng may là còn thơ ông Hàn Mạc Tử. Còn Tử là còn... Lệ Thanh!

Lệ Thanh, một bút danh của Hàn, vốn được cấu tạo bằng cách ghép sinh quán với chánh quán. Nơi chào đời của Hàn là làng Lệ Mỹ, tổng Võ Xá, huyện Phong Lộc, nay là phường Đồng Mỹ, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Quê cha đất tổ của Hàn: làng Thanh Tân, nay là thôn Thanh Tân, xã Phong Sơn, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Thế mà “cụ Tú Lệ Mỹ” tự nhận cùng quê với Hàn, làm sao tránh khỏi khiên cưỡng?

Tuy nhiên, tôi tán thành ý kiến của Đông Trình (và / là “cụ Tú Lệ Mỹ”) rằng nên biên soạn một cuốn từ điển thơ Hàn Mạc Tử, tương tự *Từ điển truyện Kiều* của Đào Duy Anh hoặc *Từ điển truyện Lục Vân Tiên* của Nguyễn Quảng Tuân và Nguyễn Khắc Thuần.⁽⁴⁾ Chắc chắn từ điển thơ Hàn chứa đựng một lượng khá lớn từ địa phương. Điều quan trọng, theo nhà ngôn ngữ học Võ Xuân Trang từng nhấn mạnh trong bài *Tiếng địa phương với vấn đề sưu tập văn học dân gian Bình Trị Thiên*,⁽⁵⁾ ở chỗ: “Cần phải phân biệt đâu là từ địa phương; đâu là cách phát âm địa phương; đâu là cách phát âm có tạo ra từ địa phương và cách phát âm không tạo ra từ địa phương”.

Vận dụng thành tựu nghiên cứu trước nay về phương ngữ học tiếng Việt, nhất là phương ngữ miền Trung, chúng ta có thể hiểu đúng hơn, cảm thụ tốt hơn bao áng thơ của Hàn Mạc Tử.

Mấy nét về phương ngữ Bình Trị Thiên

Là một bộ phận của ngôn ngữ học, phương ngữ học (dialectologie/dialectology) đặt nhiệm vụ nghiên cứu các biến thể ngôn ngữ theo địa phương. Phương ngữ học tiếng Việt được khởi đầu với công trình khảo tả *Phonétique annamite: dialecte du Haut-Annam* (Ngữ âm tiếng Việt: phương ngữ Bắc Trung Bộ) của Léopold Michel Cadière (1869-1955) công bố tại Paris, năm 1902.⁽⁶⁾ Hơn một thế kỷ hình thành và phát triển, phương ngữ học tiếng Việt đã đạt được những thành tựu khả quan, cung cấp nhiều cứ liệu giúp chúng ta tìm hiểu về lịch sử tiếng Việt, về chuẩn hóa Việt ngữ, về sắc thái vùng miền thể hiện trong các tác phẩm văn chương lẫn báo chí v.v...

Trên bình diện thuần túy ngôn ngữ học (linguistique/linguistics), cũng như bình diện xã hội-ngôn ngữ học (sociolinguistique/sociolinguistics), việc phân vùng ngôn ngữ tiếng Việt hiện vẫn tồn tại lắm bất đồng trong giới chuyên môn. Dẫu chưa thống nhất quan điểm về số lượng và địa bàn phân bố các phương ngữ, khá đông các nhà nghiên cứu như Nguyễn Hưng, Hoàng Thị Châu, Võ Xuân Trang, M. V. Gordina, I. C. Buxtrov, có xu hướng chia tiếng Việt làm 3 vùng phương ngữ: Bắc, Trung, Nam. Qua công trình khảo cứu *Phương ngữ Bình Trị Thiên*,⁽⁷⁾ TS Võ Xuân Trang cho rằng mỗi vùng phương ngữ bao gồm nhiều phương ngữ khác nhau, mà biến thể địa phương nhỏ nhất được gọi là thổ ngữ. Theo Võ Xuân Trang, vùng phương ngữ Bắc là các tỉnh Bắc Bộ, vùng phương

ngữ Trung là từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên Huế, vùng phương ngữ Nam kéo dài từ Đà Nẵng tới tận Cà Mau. Như thế, ranh giới các vùng phương ngữ không trùng khít với địa giới hành chính Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ.

Là một bộ phận hữu cơ của vùng phương ngữ miền Trung, phương ngữ Bình Trị Thiên lại chứa đựng rất nhiều thổ ngữ. Song, xét ngữ âm, thì giữa các thổ ngữ ấy có nhiều đồng nhất. Từ đầu thế kỷ XX, học giả Léopold Cadière từng tiến hành ghi chép, miêu tả đặc điểm nguyên âm lẫn phụ âm của các thổ ngữ từ sông Gianh đến đèo Hải Vân, đoạn rút ra nhận định về sự tương ứng ngữ âm giữa tiếng Việt phổ thông và các thổ ngữ vùng này, đáng lưu ý là hiện tượng tương ứng b-v, d-z, c-z, v.v...

Sau nhiều năm điều tra điền dã 94 địa điểm, từ xã Hương Hóa (huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình) đến xã Lộc Vĩnh (huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế), Võ Xuân Trang đã phân tích kết quả miêu tả ngữ âm các thổ ngữ Bình Trị Thiên để phân vùng phương ngữ này thành 3 mảng: mảng bắc (toàn bộ tỉnh Quảng Bình cùng 2 huyện Vĩnh Linh và Gio Linh của Quảng Trị), mảng nam (toàn bộ tỉnh Thừa Thiên Huế và khoảng nửa huyện Hải Lăng của Quảng Trị), mảng giữa (phần còn lại thuộc tỉnh Quảng Trị). Nét đặc trưng ngữ âm của mảng nam, tiêu biểu là giọng Huế, rất dễ nhận nếu so với hai mảng kia: không phân biệt các phụ âm cuối n/ng và t/c. Người Huế nói *can* chẳng khác gì *cang*, nói *vất y* hết *vắc*.

Xét từ vựng-ngữ nghĩa, cứ đưa *Bảng từ vựng Bình Trị Thiên* do Võ Xuân Trang sơ bộ liệt kê xấp xỉ 1.500 đơn vị từ ngữ (sđd, tr. 221-276) cho dân cư Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên, cũng nhận thấy rằng khả năng dùng chung vốn từ ở ba tỉnh nhằm đạt đến sự hiểu biết lẫn nhau là rất lớn.

Một trong những đặc trưng về từ vựng của phương ngữ Bình Trị Thiên là lưu dấu nhiều từ Việt cổ (gốc Môn-Khmer, gốc Tày Thái, gốc Mã Lai, sau đó là gốc Hán) mà thời gian qua, các nhà nghiên cứu lịch sử tiếng Việt đã quan tâm tìm hiểu.

Những *răng* (sao), *ri* (vậy), *rúa* (thế), *ni* (này), *tê* (kia), *mô* (đâu), *chi* (gì) với chất giọng đặc trưng đã đem lại cho phương ngữ Bình Trị Thiên một sắc thái riêng, khó lẫn lộn. Và khi vốn từ ấy được thể hiện trong văn bản nghệ thuật với liều lượng thích hợp, tác phẩm không chỉ lấp lánh “màu sắc địa phương” mà còn bật lên phong cách độc đáo.

Hàn với tiếng địa phương

Ngay trong những bài thơ Đường luật đầu tay, Hàn Mạc Tử đã lưu ý sử dụng tiếng địa phương. Ví như bài *Gái ở chùa rút từ Lệ Thanh thi tập*:

Rừng thiền thấp thoáng dạng quần thoa
*Khuê các trâm anh cũng **rúa** à?*
*Mùi tục chưa **chi** mà vội chán*
Cuộc đời mới thế đã lo xa

Nếu thay *mới thế* bằng *chùng nó* ắt càng đậm đà giọng miền Trung. Hoặc bài *Gheo cô bán chè* bông cỏ rất “phong vị quê nhà”:

*Buôn bán hàng **chỉ lạ rửa tề**
Làm duyên làm dáng hỡi cô **tê**?*

Giữa phương ngữ với tiếng phổ thông, đôi phen khó tìm một từ đồng nghĩa hoàn toàn. Chẳng hạn từ láy *bua bua*, nghĩa là vừa vừa; nhưng từ đơn *bua* thì chưa hẳn là vừa mà chứa cả nét nghĩa chán / ngán / ớn. Ví dụ: Chộ chè mà bua. Nghĩa là trông thấy chè, chưa ăn, đã ngán. Từ *bua* được Hàn nhiều lần đem vào thơ:

*Họ đã xa rồi khôn níu lại,
Tình thương chưa đã, mến chưa **bua**.
Người đi, một nửa hồn tôi mất,
Một nửa hồn tôi bỗng dại khờ. ⁽⁸⁾*

Hoặc:

*Đã no nê, đã **bua** rồi, thế hệ
Của phường trai mê mẩn khí thanh cao⁽⁹⁾*

Hoặc:

*Để ta dâng, ta mời, ta giải khát
Ném cho **bua** mùi vị nước trà sinh⁽¹⁰⁾*

Những biến thể ngữ âm-từ vựng như *trường/tràng*, *nhân/nhon*, *đàn/đờn* xuất hiện trong tác phẩm của Hàn Mạc Tử lại cung cấp cho hậu thế các dấu hiệu khả dĩ để biết thêm đôi nét về đời sống thực của thi nhân. Cụ thể là sử dụng phương ngữ Bình Trị Thiên trong văn bản, song thuở sinh thời, Hàn nói giọng nào? Giọng Quảng Bình, giọng Quảng Trị hay giọng Thừa Thiên Huế?

Người Huế không phân biệt các phụ âm cuối n/ng và t/c nên lắm trường hợp viết sai chính tả. *Méc* (biến âm của mách) bị nhiều người Huế viết *mét*. *Tóc* (nghĩa là nấc) bị nhiều người Huế ghi *tót*. Đó chính là lỗi mà Hàn Mạc Tử từng mắc phải.

Trên báo *Sài Gòn* số ra ngày 12/11/1935, Hàn đăng bài *Tồn làm thơ Đường luật*, ký bút danh Lệ Thanh, với cặp câu luận:

*Hoa tay tưởng khá đem đi **mét**
Đắc ý rằng hay mới chạy khoe*

Riêng từ *tóc*, rất nhiều lần bị Hàn viết *tót* trong các bài *Lưu luyến*, *Vàng trắng*, *Say thơ*, *Thương* và *Đàn ngọc*:

*Dạ lan hương bùng mở cánh e dè
Trong khúc nhạc rên đều hơi gió **tót**
Đàn ngọc đã rít lên chiều **nã nót***

Qua sách *Cảm nhận thơ Hàn Mạc Tử*,⁽¹¹⁾ dựa theo lời kể của “chú tiểu đồng” Phạm Hành, nhà giáo Mai Văn Hoan ghi: “Hàn Mạc Tử nói năng nhỏ nhẹ, giọng Quảng Bình pha Huế, hay ngâm nga một mình, tính tình ai cũng mến”. Chi tiết này chính xác chăng?

Năm 1995, tại làng Mỹ Chánh (xã Hải Chánh, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị), tôi nghe ông Phạm Hành⁽¹²⁾ kể:

- Anh Trí nói giọng Huế rất.

Thông tin này được xác nhận bởi nhiều người từng tiếp xúc với Hàn Mạc Tử như bà Mộng Cầm, bà Mai Đình, nhà thơ Hoàng Diệp, nhà văn Trần Thanh Địch. Đặc biệt, em ruột của Hàn Mạc Tử là ông Nguyễn Bá Tín⁽¹³⁾ thuở sinh thời mấy lần khẳng định trực tiếp với tôi:

- Gia đình tôi cư ngụ nhiều tỉnh thành, nhưng cả nhà, ai cũng nói giọng Huế chày. Anh Trí và tôi đều sinh ở Đồng Hới (Quảng Bình). Năm anh Trí mới 9 tuổi, tôi lên 6, đã theo song thân vào Quy Nhơn (Bình Định), rồi vào Sa Kỳ (Quảng Ngãi). Anh Trí có thời gian về Huế học trường Pellerin,⁽¹⁴⁾ có thời gian vào Sài Gòn làm báo, cuối cùng thì mất trên đất Bình Định. Giống tôi, anh Trí đi đó đi đây nhưng vẫn nói giọng Huế.

Ông Nguyễn Bá Tín cười:

- Mà anh Phanxipăng quan tâm giọng nói để mần chi rứa hè?

Theo tôi, giọng nói của từng tác giả, cả hệ thống phương ngữ mà họ quen sử dụng, chắc chắn để lại dấu ấn đậm nét trong các sáng tác của họ, đặc biệt là với các ngành chọn ngôn ngữ làm phương tiện biểu đạt như văn chương và báo chí.

Trong sách *Tiếng Việt, văn Việt, người Việt* của GS Cao Xuân Hạo,⁽¹⁵⁾ có đoạn: “Giữa tiếng nói của một dân tộc với nền văn hóa của dân tộc ấy chắc chắn phải có một mối quan hệ nhất định. Vì ngôn ngữ trực tiếp phản ánh cách tri giác và tư duy thế giới của cộng đồng dân tộc, mà văn hóa dân tộc không thể không liên quan đến cách tri giác và tư duy ấy.”

Từ đấy suy ra, ngôn ngữ của mỗi cá nhân cũng trực tiếp phản ánh cách tri giác và tư duy của từng người. Giọng điệu, lối diễn đạt, hệ thống phương ngữ v.v... đích thực là “chùm chìa khóa” giúp hậu thế “giải mã” những “bí mật” liên quan đến đời sống và thơ của Hàn Mạc Tử.

Cần thêm rằng trong tác phẩm văn chương và báo chí nói chung, thơ ca nói riêng, Hàn Mạc Tử cũng sử dụng phương ngữ miền Bắc và miền Nam song tần số chẳng thể nào bằng phương ngữ miền Trung. Điều đó có thể gây trở ngại đối với nhiều bạn đọc khi tiếp nhận thơ Hàn bởi hàng loạt lý do khách quan lẫn chủ quan. Nhưng mặt khác, điều đó lại góp phần tạo cho cây bút Hàn một khí vị riêng đạt độ hấp dẫn mà chính bản thân thi nhân lăm phen chẳng lường trước nổi:

*Thơ chưa ra khỏi bút,
Giọt mực đã rụng rồi...
Lòng tôi chưa kịp nói,
Giấy đã toát mồ hôi...⁽¹⁶⁾*

Phanxipăng

CHÚ THÍCH

- (1) Tương tự các bài viết của Phanxipăng đã đăng trên tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, gồm “Sự thật về mối tình Hàn Mạc Tử - Hoàng Thị Kim Cúc và bài thơ *Ở đây thôn Vỹ Dạ*” (số 81), “Tên thánh đích xác của Hàn Mạc Tử” (số 83), trong bài này cũng sử dụng bút danh chính thức của Nguyễn Trọng Trí (1912-1940) là Hàn Mạc Tử, chứ không ghi Hàn Mạc Tử. Về vấn đề này, quý bạn đọc có thể tham khảo bài “Chính danh định luận: Mạc hay Mặc” của Phanxipăng đăng trên tạp chí *Thế giới mới* số 416 (11/12/2000).
- (2) Danh từ phương ngữ qua một số thứ tiếng: Hy Lạp - διάλεκτος; Latinh - dialectos; Ý - dialectto; Tây Ban Nha - dialecto; Bồ Đào Nha - dialeto; Pháp - dialecte; Anh, Scots, Hà Lan, Romania - dialect; Đức, Đan Mạch, Ba Lan, Na Uy, Thụy Điển - dialekt; Esperanto - dialekto; Nga - диалект; Ukraina - діалекти; Mông Cổ - аялга; Hoa, Nhật - 方言, bính âm phát fàngyán còn âm Hán-Việt phát phương ngôn.
- (3) Nhạn / 雁 còn có tên khác là mòng. Biên soạn *Từ điển truyện Kiều* (Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1974), học giả Đào Duy Anh giải thích mục từ nhạn: “Giống chim tựa như ngỗng, tức là ngỗng trời là một hậu điều”. Kỳ thực, trong văn chương tiếng Việt lẫn tiếng Hoa, nhạn trở lại loài chim mà ngành phân loại động vật học xếp vào chi Ngỗng có tên khoa học *Anser Brisson*, thuộc họ Vịt *Anatidae*. Chẳng hạn hồng nhạn / đại nhạn là ngỗng thiên nga, được định danh khoa học *Anser cygnoides*; đậu nhạn / đại nhạn là ngỗng đậu *Anser fabalis*; sa nhạn / hồi nhạn là ngỗng trời *Anser anser*; đế nhạn / hoàng nhạn là ngỗng hoàng đế *Anser canagicus*; tuyết nhạn / khảo nhạn / bạch nhạn là ngỗng tuyết *Anser caerulescens*; bạch đầu nhạn / ban đầu nhạn là ngỗng Ấn Độ *Anser indicus*; v.v... Cũng có trường hợp, nhạn trở lại khá nhiều loài chim dạng sẻ thuộc họ Nhạn còn gọi họ Én có tên khoa học *Hirundinidae*. Chẳng hạn nhạn cánh rập đuôi vuông *Psalidoprocne nitens*; nhạn cánh rập đầu trắng *Psalidoprocne albiceps*; nhạn cánh rập đen *Psalidoprocne pristoptera*; nhạn phao câu xám *Pseudhirundo griseopyga*; nhạn lưng trắng *Cheramoeca leucosternus*; nhạn đầu đen *Notiochelidon pileata*; nhạn bụng nâu *Notiochelidon murina*; nhạn chân nhạt *Notiochelidon flavipes*; nhạn sọc trắng *Atticora fasciata*; nhạn vòng cổ đen *Atticora melanoleuca*; nhạn đuôi trắng *Neochelidon tibialis*; nhạn đầu vàng hung *Alopocheilidon fucata*; nhạn bụng trắng / nhạn nhà *Hirundo rustica*; nhạn ngực đỏ *Hirundo lucida*; nhạn ngực hạt trai *Hirundo dimidiata*; nhạn cánh đen trắng *Hirundo leucosoma*; nhạn họng trắng *Hirundo albigularis*; nhạn đuôi đen / nhạn Thái Bình Dương *Hirundo tahitica*; nhạn vằn lớn *Cecropis cucullata*; nhạn vằn nhỏ *Cecropis abyssinica*; nhạn ngực hung *Cecropis semirufa*; nhạn bụng vằn *Cecropis striolata*; nhạn bụng hung *Cecropis badia*; nhạn bụng xám / nhạn phao câu đỏ *Cecropis daurica*; nhạn họng đỏ *Petrochelidon rufigula*; nhạn họng sọc *Petrochelidon fluvicola*; nhạn cổ nâu dẻ *Petrochelidon rufocollaris*; nhạn rừng *Petrochelidon fuliginosa*; nhạn hang *Petrochelidon fulva*; nhạn vách đá *Petrochelidon pyrrhonota*; nhạn Hồng Hải *Petrochelidon perdita*; nhạn Nam Phi *Petrochelidon spilodera*; v.v...
- (4) Nxb TP Hồ Chí Minh, 1989; Nxb Thanh niên, Hà Nội, 2004.
- (5) Đăng tập san *Văn hóa Bình Trị Thiên*, số 9/1979.
- (6) Ecole Française d'Extrême-Orient (EFEO: Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp) ấn hành, Paris, 1902.
- (7) Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997.
- (8) Trích khổ giữa bài thơ *Những giọt lệ* gồm 3 khổ của Hàn Mạc Tử trong thi tập *Đau thương*. Thi tập này thoát tiền mang nhan đề *Thơ điên*, được Trần Thanh Dịch và Nguyễn Bá Tín phối hợp ấn hành sát hợp nguyên tác (Nxb Văn Nghệ, TP HCM, 1995).
- (9) Trích bài thơ *Đêm xuân cầu nguyện* trong thi tập *Xuân như ý* của Hàn Mạc Tử.
- (10) Trích kịch thơ *Duyên kỳ ngộ* của Hàn Mạc Tử.
- (11) Nxb Thuận Hóa, Huế, 1999.
- (12) Phạm Hành (1924-2011) từng ở trong nhà của gia đình Hàn Mạc Tử tại tỉnh Bình Định giai đoạn 1934-1941, đã cận kề chăm sóc tác giả của thi tập *Gái quê* giai đoạn cuối đời lánh bệnh đó đây, kể cả liên tục vào ra nhà thương Quy Nhơn rồi trại phong Quy Hòa nhằm thăm

nom Hàn. Quý bạn đọc có thể tham khảo bài *Đi tìm chú tiểu đồng thuở nọ* của Phanxipăng đăng trên tạp chí *Thế giới mới* số 422 (5/2/2001).

- (13) Là tác giả 2 hồi ký *Hàn Mạc Tử anh tôi* (Nxb Tin, Paris, 1990; Nxb TP Hồ Chí Minh, 1991) và *Hàn Mạc Tử trong riêng tư* (Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 1994), Thiện Nam Nguyễn Bá Tín (1915-2002) sống cùng vợ con tại đường Kỳ Đồng, quận 3, Sài Gòn, từ năm 1975 đến thời điểm tạ thế.
- (14) Pellerin còn gọi Bình Linh là ngôi trường ngoài công lập, giảng dạy từ bậc tiểu học đến trung học (tương đương lớp 1 đến lớp 12 hiện nay), thuộc dòng La Salle, được sáng lập tại Huế năm 1904. Từ năm 2008, là Học viện Âm nhạc Huế, địa chỉ 1 Lê Lợi, thành phố Huế.
- (15) Nxb Trẻ, 2001.
- (16) Trích khổ đầu bài thơ *Mùa thương* gồm 3 khổ của Hàn Mạc Tử mà tác giả chưa đưa vào thi tập nào. Các thư tịch *Hàn Mạc Tử tác phẩm, phê bình và tưởng niệm* do Phan Cự Đệ thực hiện (Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1993 & 1998; Nxb Văn học, Hà Nội, 2002) và *Thơ Hàn Mạc Tử* do Mã Giang Lân tuyển chọn (Nxb Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, 2001) ghi nhận vậy. Tuy nhiên, rất nhiều sách như *Thơ Hàn Mạc Tử* do Hà Giao, Quách Giao, Trần Thị Huyền Trang sưu tuyển (Sở Văn hóa và Thông tin Nghĩa Bình, 1987 & 1988); *Thơ Hàn Mạc Tử* do Lữ Huy Nguyên tuyển chọn (Nxb Văn học, Hà Nội, 1993); *Hàn Mạc Tử thơ và đời* do Lữ Huy Nguyên sưu tuyển (Nxb Văn học, Hà Nội, 1993, 1995, 2005, 2008, 2010, 2011); *Thơ Hàn Mạc Tử* do Kiều Văn biên soạn (Nxb Đồng Nai, 1998 & 2000); *Thơ Hàn Mạc Tử* do Ngô Văn Phú tuyển chọn (Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 2000 & 2002); *Thơ và văn xuôi Hàn Mạc Tử* do Xuân Tùng sưu soạn (Nxb Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, 2001) lại tách khổ đầu bài thơ *Mùa thương* thành bài ngũ ngôn tứ tuyệt mang nhan đề *Rụng rồi* và xếp mở đầu thi tập *Xuân như ý*.

TÓM TẮT

Sáng tác thơ, lắm chỗ, Hàn Mạc Tử đã sử dụng từ địa phương, nhiều nhất là phương ngữ miền Trung nước Việt. Điều ấy góp phần giúp thi phẩm đạt khí vị sinh động hấp dẫn riêng biệt, song lại khiến khá đông bạn đọc chẳng hiểu hoặc hiểu nhầm ý nghĩa. Bài này vạch rõ thực trạng đáng tiếc: lâu nay, quá nhiều tuyển thơ của Hàn được ấn hành nhưng lại có rất nhiều từ ngữ thuộc phương ngữ miền Trung bị in sai, thiếu chú thích, hoặc chú thích nhầm lẫn. Lại thêm một số công trình nghiên cứu tồn tại những hạn chế khi đề cập đến phương ngữ trong thơ Hàn. Từ đó, bài này tìm cách giải đáp thắc mắc: bình sinh, Hàn nói giọng Quảng Bình, hay giọng Huế, hay giọng lai?

ABSTRACT

DIALECT OF CENTRAL VIETNAM IN HÀN MẠC TỬ'S POETRY

Hàn Mạc Tử often used dialect words in his poems, mostly the dialect of Central Vietnam. This made his poems more attractive, lively and distinctive; however, it causes incomprehension or misunderstanding for quite a lot of readers. This article points out an unfortunate real situation, i.e., many dialect words and phrases of Central Vietnam in Hàn Mạc Tử's published works were wrong, lacking in annotation, or incorrectly annotated. Additionally, restrictions concerning local dialect in Hàn Mạc Tử's poems still remain in some research works on his poetry. Thus, this article seeks to clear up queries of which accent Hàn Mạc Tử spoke with - Quảng Bình, Huế, or hybrid.